

Nacera® Pearl; Nacera® Shell

Phiếu An toàn Hóa chất

Theo Thông tư Số No. 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Hóa Chất.

Ngày phát hành: 07/04/2020

Ngày sửa đổi: 07/04/2020

Thay thế phiếu: 07/08/2017

Phiên bản: 3.00

MỤC 1: Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

1.1 Nhận dạng sản phẩm

Tên thương mại : Nacera® Pearl; Nacera® Shell

1.2 Ứng dụng thích hợp của chất hay hỗn hợp chất và các ứng dụng không được khuyến cáo

Khuyến cáo sử dụng : Sản phẩm thuốc

Hạn chế sử dụng : Dành cho việc sử dụng chuyên nghiệp

1.3 Thông tin nhà cung cấp

Nhà cung cấp

DOCERAM Medical Ceramics GmbH

Heßlingsweg 65-67

44309 Dortmund - Germany

T +49-231-92 56 68-0 - F +49-231-92 56 68-60

Nhà nhập khẩu

Vietnam Dental Five Stars Joint Stock Company

No. 4 Group, 37/6 Ward

Phu Thuong District Tay Ho

690 Hanoi, Vietnam

Phone +84 917676996

Mail fivestardentalvn@gmail.com

Email competent person

sds@kft.de

1.4 Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

Số khẩn cấp : Các thông tin chi tiết có thể tìm thấy ở: Siehe Lieferant/Hersteller
Số điện thoại khẩn cấp:
+84 (0)4 8697 501
(8:00 - 17:00 Thứ hai - Thứ sáu)

MỤC 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

2.1 Phân loại chất hay hỗn hợp chất

Phân loại theo thông tư 32/2017/TT-BCT

Không phân loại

2.2 Nội dung nhãn

Không ghi nhãn

Sản phẩm không nằm trong quy chế dán nhãn của luật quốc gia có liên quan.

2.3. Các con đường phơi nhiễm và triệu chứng

Hiện chưa có thông tin bổ sung

2.4 Những nguy cơ khác, không ảnh hưởng đến việc phân loại

Những nguy cơ khác, không ảnh hưởng đến việc phân loại : Theo hiểu biết của chúng tôi, sản phẩm trên không gây nguy cơ nào đặc biệt, với điều kiện được sử dụng theo các quy tắc chung về an toàn công nghiệp

MỤC 3: Thông tin về thành phần các chất

3.1 Đơn chất

Không áp dụng được

3.2 Hỗn hợp chất

Nhận xét : Sứ Zirconium oxit trong các đĩa được thiết kế sơ bộ. Vật phẩm, Bụi bản có thể xuất hiện (xem chương 8) trong quá trình xử lý cơ học (ví dụ: mài)

MỤC 4: Biện pháp sơ cứu về y tế

4.1 Biện pháp sơ cứu

Sơ cứu tổng quát : Nếu có nghi ngờ hoặc khi các triệu chứng kéo dài, cần phải thông báo ngay cho bác sĩ.

Sơ cứu trong trường hợp hít phải : Đưa người liên quan ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế dễ thở. Biện pháp chống bụi.

Sơ cứu trong trường hợp tiếp xúc với da : Rửa da lại với nhiều nước.

Sơ cứu khi có tiếp xúc với mắt : Trường hợp tiếp xúc trực tiếp với mắt khó có thể xảy ra. Bụi của sản phẩm có thể gây kích ứng nhẹ ở mắt. Giữ mắt mở lớn và rửa lại với nhiều nước trong vòng vài phút sau đó gấp ngay bác sĩ. Rửa mắt với nước nhằm phòng tránh mọi rủi ro.

Nacera® Pearl; Nacera® Shell

Phiếu An toàn Hóa chất

Theo Thông tư Số No. 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Hóa Chất.

Sơ cứu trong trường hợp nuốt phải : Trường hợp nuốt khó xảy ra. Gọi cho trung tâm chống độc hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.

4.2 Các triệu chứng và tác dụng chính, cấp tính và trì hoãn

Triệu chứng/tác dụng sau khi hít phải : Bụi của sản phẩm có thể gây kích ứng nhẹ ở đường hô hấp.
Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với da : Bụi của sản phẩm có thể gây kích ứng nhẹ trên da.
Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với mắt : Bụi của sản phẩm có thể gây kích ứng nhẹ ở mắt.

4.3 Thông tin về các biện pháp sơ cấp cứu và các phương pháp xử lý cần thiết

Ý kiến y khoa khác hoặc điều trị : Điều trị triệu chứng.

MỤC 5: Phương pháp cứu hỏa

5.1. Phương tiện cứu hỏa

Chất chữa cháy thích hợp : Không bắt cháy. Sử dụng phương tiện thích hợp cho việc dập hỏa hoạn gần kề. Nước phun. Bột khô. Bột.
Tác nhân tiêu hủy không tương ứng : Tia nước mạnh.

5.2 Các nguy hiểm phát sinh từ biện pháp chữa cháy

Biện pháp chung : Tránh việc tạo bụi. Không hít bụi.
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm trong trường hợp có hỏa hoạn : Có thể giải phóng khói độc. Oxit kim loại.

5.3 Các phương pháp chữa cháy cụ thể

Hiện chưa có thông tin bổ sung

5.4. Thiết bị bảo hộ đặc biệt và lưu ý đặc biệt dành cho nhân viên cứu hỏa

Biện pháp bảo hộ khi có hỏa hoạn : Không can thiệp khi không được trang bị bảo hộ thích hợp. Thiết bị thở độc lập. Quần áo bảo hộ toàn thân.
Các thông tin khác : Ngăn không cho nước sử dụng để dập lửa không lan tràn vào hệ thống cống rãnh hoặc nguồn nước. Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.

MỤC 6: Biện pháp xử lý trong trường hợp đổ tràn

6.1. Biện pháp bảo hộ cá nhân, thiết bị bảo hộ và biện pháp cấp cứu

Biện pháp chung : Tránh việc tạo bụi. Không hít bụi.

6.1.1 Dành cho cá nhân không mang chức năng cứu hộ

Biện pháp cấp cứu : Thông gió khu vực có sản phẩm vương đổ.

6.1.2 Dành cho cứu hộ viên

Thiết bị bảo hộ : Không can thiệp khi không được trang bị bảo hộ thích hợp. Để biết thêm chi tiết, tham khảo mục 8 "Giới hạn tiếp xúc-an toàn cá nhân".

6.2. Biện pháp bảo vệ môi trường

Tránh việc tích tụ dưới tầng đất cái. Không cho xâm nhập vào cống rãnh và nước sinh hoạt.

6.3. Phương pháp và thiết bị chứa và vệ sinh

Dùng để chứa : Tránh việc tạo bụi.
Quy trình làm sạch : Thu hồi (bằng cách quét hay xúc bằng xẻng) và cho vào bình chứa thích hợp chờ tiêu hủy.
Các thông tin khác : Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.

MỤC 7: Thao tác và lưu trữ

7.1. Thao tác

Nguy cơ phụ trong quá trình xử lý : Các thao tác phải được thực hiện bởi nhân viên được đào tạo và được ủy phép. Thu hồi bụi ngay từ điểm phân tán.
Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn : Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc. Đeo thiết bị bảo vệ cá nhân.

7.2. Kho trữ

Điều kiện lưu trữ : Kho trữ tại nơi khô ráo. Bảo vệ chống ánh sáng. Kho trữ tại nơi có thông gió tốt. Bảo quản lạnh.
Hướng dẫn liên quan đến việc lưu trữ chung : Bảo quản tránh xa thức ăn và nước uống, kể cả thực phẩm dành cho động vật.

Nacera® Pearl; Nacera® Shell

Phiếu An toàn Hóa chất

Theo Thông tư Số No. 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Hóa Chất.

MỤC 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

Hiện chưa có thông tin bổ sung

Giới hạn phơi nhiễm của các thành phần khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung

8.2 Việc theo dõi

Hiện chưa có thông tin bổ sung

8.3 Kiểm tra kỹ thuật theo quy định

Kiểm tra kỹ thuật theo quy định : Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc. Hút gió tại chỗ được khuyến khích nếu khả năng tạo bụi có thể xảy ra.

8.4. Trang thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ tay:

Trong trường hợp có tiếp xúc lặp lại nhiều lần hoặc kéo dài, sử dụng găng tay. Cao su tự nhiên. EN 374. Việc lựa chọn găng tay phù hợp là một quyết định không chỉ tùy thuộc vào loại vật liệu mà còn tùy thuộc vào các đặc tính chất lượng khác, là những đặc tính mà trong đó có sự khác nhau giữa các nhà sản xuất. Vui lòng tham khảo các hướng dẫn về tính thấm nước và thời gian thấm thấu do nhà sản xuất cung cấp. Găng tay phải được thay sau mỗi lần sử dụng hoặc khi phát hiện bất kỳ hư hỏng, thủng dù rất nhỏ

Bảo vệ mắt:

Nếu có phát tán bụi: mắt kính bảo hộ. EN 166

Bảo vệ da và cơ thể:

Trang bị quần áo bảo hộ thích hợp. EN 340

Bảo vệ đường hô hấp:

Trong trường hợp thông gió không đủ, mang thiết bị hỗ trợ hô hấp thích hợp. Trong trường hợp có tạo bụi : Phơi nhiễm không kéo dài, Thiết bị thở có bộ lọc, P2. EN 143, EN 149. Thiết bị thở chỉ được sử dụng để tránh rủi ro của các công việc ngắn hạn nếu tất cả các phương pháp giảm thiểu rủi ro khác đã được tiến hành như giữ lại và/hoặc xả khí cục bộ.

(Các) Ký hiệu thiết bị bảo hộ cá nhân:

Kiểm soát mức độ phơi nhiễm với môi trường : Tránh thải ra môi trường.

MỤC 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Trạng thái vật lý	: Rắn
Hình dạng	: Phôi ở trong khuôn đĩa.
Màu	: màu trắng
Mùi	: Không mùi
Ngưỡng mùi	: Không áp dụng được
pH	: Không áp dụng được
Điểm nóng chảy, Điểm đông đặc	: Điểm đông đặc: Không áp dụng được
Điểm sôi	: Không có thông tin
Điểm bùng cháy	: Không áp dụng được
Nhiệt độ tự bốc cháy	: Không mang tính tự bốc cháy
Tính bất lửa (rắn, khí)	: Không có thông tin
Áp suất hơi	: Áp suất hơi: Không áp dụng được
Vận tốc bốc hơi	: Tỷ lệ bốc hơi tương đối (butyl axetat=1): Không áp dụng được
Giới hạn nổ	: Không áp dụng được
Đặc tính nổ	: Sản phẩm không gây nổ.
Năng lượng tối thiểu gây cháy	: Không có thông tin
Độ hòa tan	: Nước: Không hòa tan
Mật độ	: Không có thông tin
Mật độ tương đối	: Mật độ hơi nước tương đối ở 20 °C: Không áp dụng được
Độ nhớt, động học	: Không có thông tin

Nacera® Pearl; Nacera® Shell

Phiếu An toàn Hóa chất

Theo Thông tư Số No. 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Hóa Chất.

Độ nhớt, động lực	:	Không áp dụng được
Hệ số phân chia n-octanol/nước (Log Pow)	:	Không áp dụng được
Tính chất gây cháy	:	Không oxy hóa.

MỤC 10: Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Tính ổn định hóa học	:	Ổn định trong điều kiện bình thường.
Điều kiện cần tránh	:	Hiện chưa có thông tin bổ sung
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm	:	Không bắt cứ sản phẩm phân hủy mang tính chất nguy hiểm nào được bảo quản hoặc sử dụng trong điều kiện thường.
Chất không tương hợp	:	Hiện chưa có thông tin bổ sung
Có khả năng phản ứng gây nguy hiểm	:	Không có phản ứng nguy hiểm được biết đến trong điều kiện sử dụng bình thường.
Phản ứng	:	Sản phẩm không mang tính kích hoạt trong điều kiện sử dụng, kho trữ và vận chuyển thông thường.

MỤC 11: Thông tin về độc tính

11.1 Độc cấp tính

Độ độc cấp tính (qua đường tiêu hóa)	:	Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Độ độc cấp tính (qua da)	:	Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Độ độc cấp tính (qua đường hô hấp)	:	Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Ấn mồn da/kích ứng da	:	Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng) Bụi của sản phẩm có thể gây kích ứng nhẹ trên da pH: Không áp dụng được
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	:	Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng) Bụi của sản phẩm có thể gây kích ứng nhẹ ở mắt
Nhạy cảm đường hô hấp hoặc trên da	:	Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Tính gây đột biến trên các tế bào mầm	:	Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Khả năng gây ung thư	:	Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Mức độc tính trên khả năng sinh sản	:	Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc một lần)	:	Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc lặp lại)	:	Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Nguy cơ khi hít phải	:	Không phân loại (Không liên quan)

MỤC 12: Thông tin về sinh thái

12.1 Độ độc tính

Nguy hại cho môi trường thủy sinh, ngắn hạn (cấp)	:	Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Nguy hại cho môi trường thủy sinh, lâu dài (mãn)	:	Không phân loại

Nacera® Pearl; Nacera® Shell

Hệ số phân chia n-octanol/nước (Log Pow)	:	Không áp dụng được
--	---	--------------------

Nacera® Pearl; Nacera® Shell

Phiếu An toàn Hóa chất

Theo Thông tư Số No. 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Hóa Chất.

12.2 Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Nacera® Pearl; Nacera® Shell	
Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy	Không áp dụng được.

12.3 Khả năng tích lũy sinh học

Nacera® Pearl; Nacera® Shell	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (Log Pow)	Không áp dụng được
Khả năng tích lũy sinh học	Không áp dụng được.

12.4 Tính lưu động dưới đất

Nacera® Pearl; Nacera® Shell	
Tính lưu động dưới đất	Hiện chưa có thông tin bổ sung
Hệ số phân chia n-octanol/nước (Log Pow)	Không áp dụng được
Sinh thái - đất	Không áp dụng được.

12.5 Các tác dụng có hại khác

Các tác dụng có hại khác : Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 13: Thông tin liên quan đến việc tiêu hủy

Phương pháp xử lý chất thải : Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp. Không vứt vào cống rãnh hay vào môi trường. Không tiêu hủy chung với các chất thải sinh hoạt.

Các khuyến cáo về việc xử lý sản phẩm/bao bì : Tái chế hay tiêu hủy theo đúng quy định hiện hành.

MỤC 14: Thông tin khi vận chuyển

IMDG	IATA	UNRTDG
14.1 Số hiệu UN		
Sản phẩm không gây nguy hiểm trong việc vận chuyển theo quy định hiện hành.		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.2 Công ty vận chuyển		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.3 Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.4 Phân nhóm đóng gói		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.5 Nguy cơ môi trường		
Nguy hiểm cho môi trường : Không Ô nhiễm biển : Không	Nguy hiểm cho môi trường : Không	Nguy hiểm cho môi trường : Không
Không có thông tin bổ sung		

14.6 Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng

- UN RTDG

Không có thông tin

- IMDG

Không có thông tin

- IATA

Không có thông tin

Nacera® Pearl; Nacera® Shell

Phiếu An toàn Hóa chất

Theo Thông tư Số No. 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Hóa Chất.

14.7 Vận chuyển hàng rời theo phụ lục II MARPOL 73/78 và bộ luật IBC

Không áp dụng được

MỤC 15: Thông tin hợp pháp

15.1. Quy định/pháp chế chuyên biệt về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với các chất hay hỗn hợp chất

Hiện chưa có thông tin bổ sung

15.2. Số chỉ thị an toàn hóa học

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 16: Các thông tin khác

Nguồn dữ liệu : ECHA (Cơ quan Hóa chất Châu Âu)/Nhà sản xuất
Phân ban thực hiện phiếu kỹ thuật: : KFT Chemieservice GmbH
Im Leuschnerpark. 3 64347 Griesheim
Germany
Phone: +49 6155-8981-400 Fax: +49 6155 8981-500
Safety Data Sheet Service: +49 6155 8981-522
Liên hệ : Dr. Dina Shaydulina

Phiên bản : 3.00
Ngày phát hành : 07/04/2020
Ngày sửa đổi : 07/04/2020
Thay thế phiếu : 07/08/2017

Dấu hiệu thay đổi:

Mục	Mục đã thay đổi	Thay đổi	Nhận xét
	Sửa đổi chung		
1	Tên thương mại	Thay đổi	
1	Tên thương mại	Thay đổi	

Nacera® Pearl; Nacera® Shell

Phiếu An toàn Hóa chất

Theo Thông tư Số No. 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Hóa Chất.

Tên viết tắt và rút ngắn

: ADN - Hiệp định Châu Âu về việc vận chuyển quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường biển
ADR - Hiệp định Châu Âu về việc vận chuyển quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường bộ
ATE - Đánh giá độc tính cao
BCF - Chỉ số nồng độ sinh học
CLP - Quy định liên quan đến việc phân loại, dán nhãn và bao bì, quy định (EC) n° 1272/2008
DMEL - Liều dẫn xuất có tác dụng tối thiểu
DNEL - Liều dẫn xuất không có tác dụng
EC50 - Nồng độ trung bình gây ảnh hưởng
IARC - Cơ quan Quốc tế Nghiên cứu về Ung thư
IATA - Hiệp hội Vận chuyển Hàng không Quốc tế
IMDG - Hàng hóa Nguy hiểm Đường biển Quốc tế
LC50 - Nồng độ gây chết người trên 50 % trường hợp tham gia thí nghiệm (nồng độ trung bình gây chết người)
LD50 - Liều trung bình gây chết người trên 50 % trường hợp tham gia thí nghiệm (liều trung bình gây chết người)
LOAEL - Liều tối thiểu gây hại được ghi nhận
NOAEC - Nồng độ không gây hại được ghi nhận
NOAEL - Liều không gây hại được ghi nhận
NOEC - Nồng độ không gây tác dụng được ghi nhận
OECD - Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
PBT - Kéo dài, tích tụ sinh học và gây độc
PNEC - Nồng độ Dự báo không gây hại
REACH - Việc đăng ký, đánh giá, cấp phép và các hạn chế của các chất hóa học, Quy định (EC) REACH No 1907/2006
RID - Quy định Quốc tế về việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường sắt
SDS - Phiếu An toàn Hóa chất
STP - Trạm xử lý nước thải
TLM - Dung sai giới hạn trung bình
vPvB - Kéo dài và tích lũy sinh học rất nhiều

: Vật phẩm. Bảng dữ liệu an toàn là không bắt buộc đối với sản phẩm này. Bảng Thông tin An toàn Sản phẩm được biên soạn trên cơ sở tự nguyện.

Các thông tin khác

KFT SDS VN 00